

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 10/5/2018.

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đăng Tuấn.
2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 07/2018/TB-TA, ngày 20/4/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tôn Trần Bảo Qu, sinh năm 1989. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng L, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã GA, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Tôn Trần Bảo Qu yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Qu và anh L tự nguyện kết hôn và đăng ký tại UBND xã XL, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai vào năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa; những lúc cãi nhau anh L còn đánh chị Qu. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, chị Qu không thể tiếp tục chung sống với anh L nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Qu và anh L có 02 người con chung tên Nguyễn Hoài Kh, sinh năm 2011 và Nguyễn Chí H, sinh năm 2013. Hiện nay hai người con chung đang sống với chị Qu. Khi ly hôn, chị Qu yêu cầu được quyền nuôi 02 người con cho đến khi thành niên và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng/người con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Qu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng L trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Qu tự nguyện tìm hiểu và làm thủ tục kết hôn năm 2011 tại UBND xã XL, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thì vợ chồng thỉnh thoảng có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Qu ít quan tâm chăm sóc gia đình, thường đi chơi với bạn bè về trễ. Anh L hiện tại vẫn còn tình cảm yêu thương chị Qu, mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống chứ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh L và chị Qu có 02 người con chung tên Nguyễn Hoài Kh, sinh năm 2011 và Nguyễn Chí H, sinh năm 2013. Hiện nay hai người con chung đang sống với chị Qu. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Qu được ly hôn thì anh L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu chị Qu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Qu đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Riêng bị đơn – anh L không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 và 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho chị Qu được ly hôn với anh L; giao hai người con chung cho chị Qu nuôi dưỡng và buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Qu số tiền 2.000.000 đồng/tháng/02 người con; Về án phí: Chị Qu phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp và anh L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn - anh Nguyễn Hồng L mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tôn Trần Bảo Qu và anh Nguyễn Hồng L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XL, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai vào năm 2011. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng chị Qu và anh L bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Tại phiên Tòa, chị Qu trình bày nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã; anh L không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình và không ủng hộ, tạo điều kiện cho chị Qu tham gia công tác xã hội. Riêng về phần anh L, tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng qua lời khai đã trình bày có tại hồ sơ (bút lục số 16) cũng thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân gần đây không được hạnh phúc nhưng không đồng ý ly hôn với chị Qu. Điều này phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Qu, anh L tại địa phương. Anh L tuy không đồng ý ly hôn với chị Qu nhưng khi được Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ thì lại vắng mặt, không tham gia hòa giải. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng trong quá trình chung sống, chị Qu và anh L có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống, từ đó thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống. Chị Qu cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh L. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng từ cả hai phía, hiện nay chị Qu và anh L đã không chung sống với nhau nữa; do đó nếu có đoàn tụ để tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy cần giải quyết cho chị Qu được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:* Trong thời gian chung sống, chị Qu và anh L có hai người con chung tên Nguyễn Hoài Kh, sinh năm 2011 và Nguyễn Chí H, sinh năm 2013. Khi ly hôn, chị Qu yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung cho đến khi thành niên và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/người con/tháng cho đến khi hai người con chung thành niên. Thể hiện ý kiến về con chung tại bút lục số 16, anh L không đồng ý giao con chung cho chị Qu nuôi dưỡng mà có yêu cầu được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn chính đáng và phù hợp. Tuy nhiên, việc xem xét giao con cho chị Qu hay anh L chăm sóc, nuôi dưỡng phải đảm bảo được điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt cho con chung. Xét thấy, hiện nay cả hai người

con chung đang ở với chị Qu, được chăm sóc và cho học tập đầy đủ; các cháu phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Cháu Nguyễn Hoài Kh có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị Qu vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc hai người con chung. Mặt khác, chị Qu hiện tại tuy có có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nhưng không thể đảm bảo điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng các con chung lâu dài nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Qu là chính đáng nên cần buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Tuy nhiên, hiện nay anh L nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, mức cấp dưỡng mà chị Qu yêu cầu 1.500.000 đồng/tháng/người con là cao so với mức thu nhập chung ở địa phương nên chỉ cần buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Qu số tiền 1.000.000 đồng/người con/tháng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiếp tục giao cho chị Qu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung và buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Qu số tiền 1.000.000 đồng/tháng/người con cho đến khi hai người con chung thành niên là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Tôn Trần Bảo Qu và anh Nguyễn Hồng L không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] *Về án phí*: Cần buộc chị Qu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (phần nghĩa vụ cấp dưỡng) theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tôn Trần Bảo Qu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng L.
- *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Giao cho chị Tôn Trần Bảo Qu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung tên là Nguyễn Hoài Kh, sinh năm 2011 và Nguyễn Chí H, sinh năm 2013 cho đến khi hai người con chung thành niên. Anh Nguyễn Hồng L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Qu số tiền

1.000.000đ/tháng/người con cho đến khi cháu Kh và cháu H thành niên. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị Qu không được ngăn cản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về án phí:

+ Chị Tôn Trần Bảo Qu phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N 0012394 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, chị Qu đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Hồng L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2018); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định (đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã XL-Long Khánh-Đồng Nai;
- Lưu văn phòng, án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ H Hồ